

# 7 mô hình thực tập tốt nghiệp đối với sinh viên ngành kế toán trên thế giới và gợi ý cho Việt Nam



TS. Phạm Quang Huy\* - TS. Nguyễn Phong Nguyên\*

Nhận: 27/2/2020

Biên tập: 07/4/2020

Duyệt đăng: 20/4/2020

Thực tập tốt nghiệp là giai đoạn có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với mỗi sinh viên, giúp sinh viên có những hiểu biết nhất định về công việc thực tế, cũng như rà soát lại những kiến thức đã được học. Bằng phương pháp tổng hợp và tổng quan các công trình nghiên cứu cũng như rà soát chi tiết chương trình đào tạo tại một số quốc gia, bài viết giới thiệu các mô hình khác nhau để sinh viên thực hiện vào những học kỳ cuối nhằm xét tốt nghiệp cho chuyên ngành kế toán. Kết quả của bài viết đã cung cấp 7 mô hình khác nhau và 7 gợi ý định hướng cho các trường tại Việt Nam cần nhắc áp dụng.

**Từ khóa:** Chương trình đào tạo, đại học, kiến tập, thực tập tốt nghiệp, sinh viên

## 1. Đặt vấn đề

Việc áp dụng các chương trình đào tạo hiện đại trên thế giới là một xu hướng phổ biến tại Việt Nam, trong giai đoạn đất nước hội nhập quốc tế sâu và rộng như hiện nay. Khi đi vào chi tiết những chương trình đào tạo của các trường trong nước, sinh viên được yêu cầu phải tiến hành thực hiện một quá trình tìm hiểu về thực tế tại doanh nghiệp (DN) hay còn gọi là kiến tập (Nguyễn Văn Nghị, 2014). Tuy nhiên, vấn đề kiến tập chuyên đề (một số trường gọi là thực tập nhận thức) này là một nội dung được các trường tư vận dụng và tùy theo tinh thần của ngành học.

Với những nội dung bắt buộc thi vào học kỳ cuối của năm học cuối cùng, các trường đại học, cao đẳng và ở hầu hết các chuyên ngành đào tạo đều yêu cầu sinh viên phải thực hiện việc thực tập tốt nghiệp với khoảng thời gian từ 1 - 4 tháng (Nguyễn Thị Mơ, 2010).

Đối với sinh viên, hoạt động thực tập tốt nghiệp có vai trò quan trọng không chỉ với quá trình học tập, mà còn với cả sự nghiệp của sinh viên sau này. Kết quả thực tập tốt nghiệp thường được tính điểm với trọng số tương đối lớn trong học kỳ, ảnh hưởng đến kết quả xếp loại tốt nghiệp của sinh viên (Nguyễn Thị Huệ, 2011). Nhưng thực ra, điểm số chỉ đóng một vai trò nhỏ. Kỳ thực tập này giúp sinh viên được tiếp cận với nghề nghiệp mà các bạn đã lựa chọn khi bước chân vào trường đại học. Các hoạt động thực tiễn thêm một lần nữa giúp sinh viên hiểu được mình sẽ làm công việc như thế nào sau khi ra trường và có những điều chỉnh kịp thời, cùng với chiến lược rèn luyện phù hợp hơn (Nguyễn Thị Thu Trang, 2013).

Dù rằng nhận thức được tầm quan trọng của kỳ thực tập tốt nghiệp, nhưng khá nhiều sinh viên khi đối diện với nội dung này thì chỉ thực hiện mang tính chất đối phó.

Nhiều sinh viên có thể nhờ vào một số mối quan hệ để có thể hoàn tất bài tốt nghiệp trong thời gian vài tuần, mà không cần thiết phải tham gia vào những công tác thực tế tại các đơn vị. Trong những năm qua, việc thực tập có thể cho thấy rõ rằng nó đã bộc lộ khá nhiều hạn chế, cũng như chưa thật sự phản ánh đúng ý nghĩa mà vốn dĩ nó mang lại cho người học (Trần Minh Đức, 2008).

Thêm vào đó, trong tiến trình hội nhập vào thế giới, việc thực tập trước khi bước vào môi trường thực tế sẽ giúp sinh viên có ngay những kiến thức thực tiễn đầu tiên, giảm thiểu những khó khăn, bỡ ngỡ khi bước vào môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp. Với tầm quan trọng này của hoạt động thực tập tốt nghiệp, bài viết cung cấp các mô hình thực tập tại các trường đại học tại một số quốc gia, qua đó rút ra những bài học cho Việt Nam vận dụng vào trong thời gian tới.

## 2. Các mô hình thực tập tốt nghiệp ở một số trường đại học trên thế giới

Giáo sư các trường đại học đều khẳng định, việc thực tập đóng vai trò là cầu nối giúp sinh viên được tiếp cận, trải nghiệm quy trình làm việc thực tiễn cũng như hoạt động của các công ty, DN hay những giao dịch thực tế trên thị trường. Qua thực tập, sinh viên có thể học tập thêm các kỹ năng, các phương cách

\* Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả; nắm bắt tốt, nhạy bén hơn trong tư duy ngành nghề và kỹ năng làm việc (Hilary, 2001). Sinh viên sẽ học được cách thức tổ chức và điều phối công việc với 2 hình thức chính, đó là làm việc nhóm cũng như tự duy làm việc một cách độc lập. Từ đó, thực tập giúp sinh viên có được định hướng cụ thể, thực tế hơn cho tương lai của bản thân.

Dù thực hiện theo mô hình nào thì những mong đợi cuối cùng của các trường đại học cũng chính là qua kỳ thực tập, sinh viên có thể quan sát tổng quát hoạt động của một công ty, tiếp cận quy trình làm việc cụ thể, từ đó so sánh, đối chiếu với kiến thức đã học và rút ra những kiến thức cho riêng mình. Đi vào chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trên thế giới, bài viết đã tổng hợp và giới thiệu 7 mô hình để giúp sinh viên có thể thực hiện trong những năm cuối khi cùng song song học với những môn chuyên ngành khác.

#### **Thứ nhất, Dự án kế toán chuyên sâu**

Trường yêu cầu sinh viên vào năm cuối cùng thực hiện một dự án liên quan đến một trong các nội dung đã được học tại nhà trường. Dự án này có thể là một công trình nghiên cứu khoa học cùng với giảng viên hoặc một chủ đề cho giảng viên đưa ra và sinh viên sẽ thành lập nhóm thực hiện với kết quả được đánh giá qua một hội đồng chuyên gia. Hội đồng này không chỉ có các giảng viên, mà còn có sự tham gia của đại diện các DN hoặc nơi mà sinh viên đến để thực hiện dự án (Stephen & Donna, 1996). Một ví dụ cho dự án thuộc ngành kế toán mà các trường thường yêu cầu sinh viên thực hiện là tìm hiểu quy trình tổ chức công tác kế toán của một tập đoàn đa quốc gia.

#### **Thứ hai, Tiếp cận kiến thức thực tiễn**

Nhà trường sẽ mời các chuyên gia trong từng lĩnh vực cụ thể của đời sống, có thể là các kế toán trưởng hay kiểm toán viên đến Khoa để

trình bày một số nội dung thực tiễn hay chuyên môn bản thân nào đó. Sau đó, những chuyên gia này sẽ hỗ trợ cho Khoa tiến hành đánh giá sinh viên qua việc nhận thức hay thực tập ngay tại chỗ một vấn đề nào đó bằng việc trả lời phức tạp. Sinh viên vào năm cuối sẽ tiến hành đăng ký cho Khoa về lĩnh vực mà mình yêu thích, sau đó, Khoa sẽ có cơ sở để mời các đối tượng có liên quan trong bài trình bày của họ.

#### **Thứ ba, Giải quyết tình huống tổng hợp**

Sinh viên sẽ thực hiện một tình huống với toàn bộ được tích hợp trong một chuyên đề cụ thể mà sinh viên lựa chọn (Robert, 2012). Yêu cầu của dạng bài tập tình huống này chính là sinh viên cần phải mang tính đa dạng, khái quát được nhiều vấn đề, bao gồm nhiều yếu tố khác nhau. Ngoài ra, nội dung chính vẫn thuộc một trong các môn mà sinh viên đã học, tuy nhiên vẫn có thể tích hợp với các môn học không chuyên ngành. Những câu hỏi cần đi từ cơ bản đến phức tạp, đòi hỏi sinh viên cần phải đọc thêm các công trình khoa học hay tiếp cận với thực tiễn mới có thể nhận được dạng bài tập này.

#### **Thứ tư, Triển khai kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân**

Sinh viên sẽ tự khởi nghiệp trong thời gian từ 3 - 6 tháng, bằng việc tham gia một vị trí cụ thể trong một DN như một nhân viên chính thức. sau đó tiến hành báo cáo kết quả công việc cho đại diện DN và giảng viên để chứng minh được việc học hỏi của bản thân trong thực tế (Andrew & James, 2005).

Ngoài ra, sinh viên có thể tự khởi nghiệp bằng việc đăng ký một công việc cụ thể, tham gia ghi sổ cho các công ty có nhu cầu. Từ đó, báo cáo kết quả thực tế đó cho hội đồng khoa học để xác định mức điểm cho từng sinh viên. Việc thực hiện theo mô hình này cần phải đăng ký trước với khoa đào tạo và phù hợp với đặc thù ngành kế toán của từng quốc gia.

#### **Thứ năm, Thực hành kinh nghiệm ở các lĩnh vực chuyên môn**

Mô hình này không chỉ được thực hiện ở học kỳ cuối cùng ở bậc đại học. Chương trình này yêu cầu sinh viên phải đi đến các DN thực tế trong 4 - 6 học kỳ khác nhau. Điều này sẽ giúp sinh viên tăng dần sự năng động, tránh thờ ơ khi vào một công ty cụ thể.

Về vấn đề chuyên môn thì sinh viên không cần đầu tư như trong một kỳ thực tập thông thường. Sinh viên chỉ cần trình bày về việc tìm hiểu một trong các khía cạnh, có thể là sản xuất, thương mại, ngân hàng, bảo hiểm, đơn vị công hay có thể là các nhà hàng, khách sạn (Jun & Guangwei, 2015).

#### **Thứ sáu, Báo cáo khoa học về một chủ đề kế toán**

Nhà trường yêu cầu sinh viên tự chọn cho mình một chủ đề nghiên cứu mang tính bản lĩnh hoặc ứng dụng vào một DN, một địa phương để đăng ký cho mình thực hiện. Trường và khoa sẽ có hội đồng để đánh giá về tính khoa học của chủ đề mà sinh viên lựa chọn. Sau khi thực hiện nghiên cứu trong thời gian ngắn, sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu một cách khoa học trước DN và khoa để nhận được sự đánh giá của các chuyên gia này.

#### **Thứ bảy, Hoàn thành toàn bộ học phần trong chương trình**

Khả năng trường không đưa nội dung thực tập vào chương trình học, do sinh viên các nước chỉ học đại học trong thời gian 3 năm. Do đó, sinh viên đều tập trung vào học các học phần theo chương trình đã được công bố trước. Ngoài ra, nếu có học phần thực tập thì vào năm cuối cùng, sinh viên có thể lựa chọn một số môn học để thay thế cho việc thực tập đó.

Nhìn chung, các mô hình trên mà các trường áp dụng đều hướng đến việc nâng cao khả năng tự nghiên cứu và học hỏi của sinh viên là chính. Người học của chuyên ngành kế toán cần hướng đến việc vận dụng kiến thức chuyên ngành đã học và

thực tế, hình thành được kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, khoa học, hiệu quả cho quá trình làm việc sau này.

### 3. Một số định hướng cho Việt Nam

Thực tập trước tốt nghiệp là một trong những học phần quan trọng trong chương trình đào tạo của hầu hết các khối ngành, kể cả kế toán – kiểm toán. Qua những mô hình trên, có thể rút ra một số điểm cho các trường tại Việt Nam như sau:

**Một là**, thành lập nhóm nghiên cứu các dự án liên quan đến lĩnh vực kế toán trong từng loại hình DN cụ thể, cung cấp cho sinh viên thực hiện dưới hình thức cá nhân hoặc nhóm.

**Hai là**, kết quả của quá trình thực tập tốt nghiệp nên được trình bày trước hội đồng đánh giá của khoa hoặc nhà trường để đảm bảo sinh viên tiếp cận thực tế.

**Ba là**, liên hệ thường xuyên với các DN để tạo ra một cộng đồng các chuyên gia thực tiễn nhằm trao đổi và hướng dẫn cho sinh viên những công việc thực tế.

**Bốn là**, không nhất thiết sinh viên phải thực tập tại một DN thực tế, mà có thể thay thế bằng nghiên cứu khoa học hay tự thân hoạch định một chính sách cho riêng mình.

**Năm là**, chủ động nghiên cứu chi tiết từng mô hình trên, đánh giá tính hình thực tế tại trường đại học của vùng, khu vực để đưa ra sự lựa chọn phù hợp nhất trong điều kiện nguồn lực hạn chế.

**Sáu là**, lập hội đồng giảng viên có kinh nghiệm trong từng lĩnh vực, tiến hành biên soạn các tình huống tổng hợp mang tính khái quát cao, yêu cầu mang tính tổng hợp để sinh viên thực hiện.

**Bảy là**, nghiên cứu một số môn học mang tính thực tiễn để tiến hành thay thế cho thực tập tốt nghiệp, hoặc triển khai việc thực tập ngay tại trường nhằm hướng vào sự hướng dẫn của DN.

**Tám là**, sinh viên có thể thực hiện theo yêu cầu của chính công ty tham gia, hoặc theo giảng viên hay

tự thân của người học, miễn sao sinh viên phải hiểu rõ những điều mà mình đã được trải nghiệm trong thời gian đó.

### 4. Kết luận

Các mô hình trên cho thấy sự phù hợp hơn với từng quốc gia và từng trường đại học với từng ngành học cụ thể. Ngành kế toán có khá nhiều lựa chọn cho mô hình thực tập tốt nghiệp, để sao cho việc thực tập có giá trị câu nổi vò cùng quan trọng cho quá trình làm việc của sinh viên sau này. Hơn thế, các mô hình trên sẽ giúp được cho sinh viên hội nhập vào môi trường thực tế của DN và thông qua đó hiểu sâu cơ cấu tổ chức và nắm rõ được sự vận hành của DN, nhằm đáp ứng khả năng hội nhập nhanh thực tế DN khi đi làm việc chính thức. Nó cũng giúp vận dụng những kiến thức đã học vào công việc tại DN nhằm thực hành các kiến thức đã học để tìm ra các giải pháp giúp gia tăng hiệu quả công tác tại nơi thực tập cũng như biết cách ứng xử chuyên nghiệp trong các môi trường thực tập.

Các hoạt động thực tập tiến thêm một lần nữa giúp sinh viên hiểu được mình sẽ làm công việc như thế nào sau khi ra trường và mình có thực sự phù hợp với công việc đó hay không. Quá trình áp dụng các kiến thức học được trong nhà trường vào thực tế công việc giúp sinh viên nhận biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình, mình cần trang bị thêm những kiến thức, kỹ năng gì để đáp ứng nhu cầu công việc. Ngoài ra, quá trình áp dụng các kiến thức học được trong nhà trường vào thực tế công việc giúp sinh viên nhận biết được điểm mạnh, điểm yếu của mình và cần trang bị thêm những kiến thức, kỹ năng gì để đáp ứng nhu cầu công việc.

Trong thực tế, chương trình đào tạo trong các trường đại học đã cung cấp hệ thống lý luận và lý thuyết hữu dụng về ngành nghề và nhất thiết cần được áp dụng vào thực tiễn sinh động với đối tượng và môi trường

nghề nghiệp cụ thể. Những trải nghiệm ban đầu này giúp sinh viên tự tin hơn sau khi ra trường và đi tìm việc, giúp các bạn không quá ảo tưởng về những gì đã hiểu biết dẫn đến thất vọng về công việc trên thực tế khi thực sự tham gia thị trường lao động. Trong quá trình thực tập, sinh viên có thể thiết lập được các mối quan hệ trong nghề nghiệp của mình, điều này rất hữu ích cho sinh viên khi ra trường. ■

### Tài liệu tham khảo

- Andrew, S & James, G (2005) *The Apprenticeship System in Canada: Trends and Issues*. Centre for the Study of Living Standards, CCLS Research Report 2005-04.
- Hilary, S (2001). *Benchmarking Apprenticeship: UK and Continental Europe Compared*. Published by Centre for Economic Performance, London School of Economics and Political Science, Houghton Street
- Jun, L & Guangwei, H (2015). *Apprenticeship in Scholarly Publishing: A Student Perspective on Doctoral Supervisors' Roles* MDPI Journal, Basel, Switzerland, Publications vol 3, pp. 27-42
- Nguyễn Thị Huệ (2011) *Giải pháp nâng cao chất lượng thực tập của sinh viên khối ngành kinh tế Kỹ yếu Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học*, vol. 1, Trường Đại học Ngoại thương
- Nguyễn Thị Thu Trang (2013) *Nghiên cứu đề xuất giải pháp đổi mới quy trình thực tập giữa khoa của sinh viên trường Đại học Ngoại thương theo hướng gắn với thực tiễn*, Tập chí Kinh tế đối ngoại, vol. 11
- Nguyễn Thúy Phương (2011) *Đề xuất một số biện pháp khắc phục khó khăn trong hướng dẫn sinh viên tham gia kiến tập và thực tập tốt nghiệp*, Kỹ yếu Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học, vol. 1, Trường Đại học Ngoại thương.
- Robert, I. L (2012). *Can the United States Expand Apprenticeship? Lessons from Experience*. IZA Policy Paper No. 46, The Institute for the Study of Labor (IZA).
- Stephen, M R & Donna, L. R (1996). *Laboratory apprenticeship through a student research project*, Article first published on *Journal of Research in Science Teaching*, vol. 33, no 7, pp. 799-815.
- Trần Minh Đức (2008) *Các giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình thực tập dành cho sinh viên năm cuối*, Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ DN, Trường Đại học Kinh tế - Luật TP HCM